TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27/12/2017
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Đến.

2. Ông Đỗ Văn Chúc.

Thư ký phiên tòa: Trần Bảo Trân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Cao Minh Dương, Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 361/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2017/QĐ-ST ngày12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thủy A, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 12, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Ô N, xã M, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại phiên tòa của chị Phạm Thị Thủy A như sau:* Chị A và anh Đ chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Uỷ

ban nhân dân xã M, huyện CT, tỉnh Trà Vinh, quá trình chung sống có 01 con chung Huỳnh Phạm Thanh N sinh ngày 28/3/2016 hiện đang sống cùng chị. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh Đ cờ bạc nhiều lần khuyên không nghe và còn đánh đập chị A nhiều lần nên đã ly thân đến nay là 20 tháng. Quá trình chung sống chúng tôi không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không ai nợ chúng tôi.

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn thương nữa nên chị A yêu cầu giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ.

- Về con chung: Khi ly hôn chị A yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tại phiên tòa hôm nay chị không yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Theo biên bản ghi lời khai của anh Huỳnh Văn Đ trình bày*: Anh Đ thống nhất với lời trình bày của chị A thời gian chung sống, thời điểm kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh đi đá banh theo giải thì chị A giận và tự dọn đồ và dẫn con đi cho đến nay. Nay chị A yêu cầu ly hôn anh Đ không đồng ý, nếu Tòa xử ly hôn thì anh yêu cầu được quyền nuôi con không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán thu thập chứng cứ, xây dựng hồ sơ chặc chẽ, cấp tống đạt văn bản tố tụng, thời hạn xét xử và tại phiên tòa đảm bảo thủ tục tố tụng thực hiện tốt các quy định tại các Điều 97, 177, 196, 203, 205, 208, 209, 210, 211, 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn chưa thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ theo qui định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị Thủy A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do

đó, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự đủ căn cứ để xét xử vắng mặt anh Đảm.

[2] Về hôn nhân: Chị A và anh Đ chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị A vẫn giữ quan điểm ly hôn, anh Đ đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, triệu tập hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy: Quá trình chung sống chị A và anh Đ thường xảy ra cự cãi làm cho cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên đã ly thân đến nay đã 20 tháng, trong thời gian ly thân cũng không ai tới lui chăm sóc cho nhau, cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A cho chị được ly hôn với anh Đ là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Cháu Huỳnh Phạm Thanh N sinh ngày 28/3/2016 mới hơn một năm tuổi theo quy định pháp luật là phải giao cho chị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Và từ khi ly thân cho đến nay chị An là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N vẫn đảm bảo sức khỏe và sự phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho chị A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay chị A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147; 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phạm Thị Thủy A. Cho chị Phạm Thị Thủy A được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị A, giao cho chị A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Phạm Thanh N sinh ngày 28/3/2016

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Thủy A phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0013732 ngày 12/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị A không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành
- CC THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thanh Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thu Hằng

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành
- CC THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thanh Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thu Hằng

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 27 tháng 12 năm 2017

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh trà Vinh

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Chúc và ông Dương Văn Đến

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân thụ lý số 361/2017/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2017, về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*. giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thủy An, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 12, xã Đambri, huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn Đảm, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Ô Tre Nhỏ, xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU*:*

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147; 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phạm Thị Thủy An. Cho chị Phạm Thị Thủy An được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đảm.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị An, giao cho chị An được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Phạm Thanh Như sinh ngày 28/3/2016

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị An không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Thủy An phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0013732 ngày 12/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị An không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 27 tháng 12 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Chúc **Dương Văn Đến** **Đỗ Thị Thu Hằng**